

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 186/2023/DSPT;
Ngày: 31-3-2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Tuyết Linh

Ông Trần Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hà Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 518/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp: “*Quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 414/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2023/QĐXX-PT ngày 21 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đặng Thị Kim N, sinh năm 1963;

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Phan Văn Đ, sinh năm 1961;

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Nguyễn Văn Bé T, sinh năm 1957;

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Đặng Huỳnh N, sinh năm 1957 (chết)

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ:

1. Nguyễn Văn Bé T, sinh năm 1957;

2. Nguyễn Lê H, sinh năm 1988 (xin vắng mặt);

3. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1978;

4. Nguyễn Duy T, sinh năm 1984;

5. Nguyễn Châu K, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Trần Anh T, sinh năm 1983;

2. Phan Thị Kim N, sinh năm 1992;

3. Phan Thị Diễm N, sinh năm 2001;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T, chị Kim N, chị Diễm N: Phan Văn Đ, sinh năm 1961;

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Nguyễn Lê H, sinh năm 1988;

5. Võ Thị Mỹ T, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt).

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn Bé H – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ: ấp C, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

7. Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: ấp L, xã I, huyện C, tỉnh Tiền Giang

8. Nguyễn Duy T, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

9. Nguyễn Châu K, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: 02/62D đường 3/2, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Đặng Thị Kim N, sinh năm 1963.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo án sơ thẩm;*

- *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Văn Đ trình bày:* Hộ bà Đặng Thị Kim N có đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 2.149m² đất quả, thửa đất số 374, tờ bản đồ số 01 tọa lạc ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02630 ngày 19/10/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 19/10/2001. Giáp ranh với phần đất này là phần đất của ông Nguyễn Văn Bé T thuộc 02 thửa 372 và 437. Do trước đây,

đất ông Bé T là đất ruộng, đất của bà N là đất gò nên ranh giới giữa hai phần đất rõ ràng, phần đất gò cao hơn đất ruộng 0,4m (có chiều dài khoảng 81m). Năm 1996, ông Bé T đào 01 cái mương sâu hơn 1,5m sát phần ranh đất phía trước giáp đường đi để làm ranh. Mương có chiều ngang 2m dài 26m. Vào năm 2003, bà N làm hàng rào cột xi măng, lưới B40 dài hết phần đất để bảo vệ đất. Do con mương phía trước (dài 26m) quá sâu nên bà N không làm hàng rào sát mé mương được nên làm cách bờ mương 0,6m để bảo vệ hàng rào của phần đất bà N, đồng thời có trồng cây đâm bụi đến phần đất ranh còn lại (ngoài hàng rào) cách hàng rào khoảng 0,6m. Đối với phần đất giáp ranh phía sau dài khoảng 55m đất của ông Bé T thấp hơn đất của bà N, nên lợi dụng lúc gia đình bà N bận đi làm ông Bé T san bằng ranh đất của bà N làm hàng rào còn chưa ra 0,6m để chiếm dụng trồng dừa, làm ảnh hưởng đến độ bền của hàng rào. Vào khoảng năm 2013–2014, khi ông Bé T kê địa chính xuống đo đạc phần đất ruộng để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có kê bên bà N chỉ ranh và đã chỉ đúng ranh đất hai bên nhưng sau đó không có cho bà N ký tên vào biên bản đo đạc, đến ngày 30/9/2016 khi bà N dọn dẹp làm hàng rào cố định thì bà Đặng Huỳnh N vợ ông Bé T ngăn cản cho rằng gia đình bà N đã làm hàng rào đúng vị trí ranh đất không còn chưa 0,6m đất phía ngoài hàng rào và phần đất 0,6m đất cấp theo hàng rào là đất của ông Nguyễn Văn Bé T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn Bé T và bà Đặng Huỳnh N trả lại cho bà Đặng Thị Kim N diện tích đất lấn ranh có diện tích khoảng 48,6m² (ngang 0,6m dài 81m) thuộc thửa đất số 374, tờ bản đồ số 01 tọa lạc ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà N; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không hợp pháp của ông Nguyễn Văn Bé T; đồng thời buộc ông Nguyễn Văn Bé T phải khôi phục lại hiện trạng ban đầu phần đất ranh nêu trên.

- *Bị đơn Nguyễn Văn Bé T trình bày:* Hộ ông bà có diện tích đất 15.169m² đất, gồm có 06 thửa đất 266, 372, 378, 437 tờ bản đồ số 04 và 2 thửa 1508 và 1068 tờ bản đồ số 01. Trong đó có 02 thửa đất 372 và thửa đất số 437 là giáp ranh với thửa đất số 374 của hộ bà Đặng Thị Kim N về hướng Bắc. Nguồn gốc phần đất là do ông bà nhận chuyển nhượng từ năm 1990. Gia đình bà N đã làm hàng rào trụ bê tông kéo lưới B40 trên 10 năm nay, việc làm hàng rào này là đã rào đúng ranh hết đất của bà N. Nay bà N cho rằng khi làm hàng rào có chưa ra 0,6m là không đúng nên khởi kiện yêu cầu ông Bé T và bà Nga trả lại phần đất lấn ranh ngang 0,6m dài 81 mét ông bà không đồng ý. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn Bé T và yêu cầu khôi phục lại ranh đất theo hiện trạng ban đầu ông bà không đồng ý vì ông bà không có lấn chiếm và không vi phạm gì.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ *Nguyễn Lê H, Võ Thị Mỹ T, Nguyễn, Thanh Tuyền, Nguyễn Duy T, Nguyễn Châu Pha không có ý kiến gì để cho cha mẹ tự quyết định.*

+ Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã trình bày ý kiến: Hộ bà Đặng Thị Kim N đứng tên quyền sử dụng đất có diện tích 2.149m², thuộc thửa đất số 374, tờ bản đồ số 04 đất tọa lạc ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nằm giáp ranh với đất của bà N là đất của ông Nguyễn Văn Bé T và Đặng Huỳnh N tại 02 thửa đất 372, tờ bản đồ số 04, diện tích đất 1.068m² và thửa đất 437, tờ bản đồ số 04, diện tích đất 5.166m². Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn Bé T là đúng theo quy định pháp luật, hồ sơ được niêm yết và kết thúc niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã L không có đơn tranh chấp, khiếu nại, Ủy ban nhân dân xã L đã có tờ trình số 02/TT-UB ngày 25/3/2002. Phòng Địa chính có Tờ trình số 43/TT.ĐC ngày 28/3/2002 và Ủy ban nhân huyện C có Quyết định số 594/QĐ-UB ngày 02/4/2002 duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có duyệt cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Bé T diện tích đất này. Do đó, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Bé T là đúng theo thủ tục pháp luật quy định. Do đó, bà Đặng Thị Kim N yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Bé T là không có cơ sở giải quyết.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 414/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang: Căn cứ khoản 5 Điều 50, Điều 202, Điều 203, 166 Luật Đất đai năm 2003. Căn cứ Điều 175 Bộ luật dân sự. Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Kim N yêu cầu hộ ông Nguyễn Văn Bé T trả lại diện tích đất 48,6m² (ngang 0.6m, dài 81m)do hộ ông Nguyễn Văn Bé T lấn ranh đất của bà Đặng Thị Kim N tại thửa đất 437, diện tích 5166m² tọa lạc ấp Trung xã L huyện C tỉnh Tiền Giang. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị Kim N yêu cầu hộ ông Nguyễn Văn Bé T khôi phục lại hiện trạng ranh đất ban đầu do lấn ranh đất gây nên.

Ghi nhận hộ ông Nguyễn Văn Bé T trả lại cho hộ bà Đặng Thị Kim N phần ranh đất có diện tích 19m², có tứ cận theo sơ đồ như sau: Hướng Bắc giáp thửa đất 374 của hộ bà Đặng Thị Kim N, hướng Nam giáp thửa đất 372 và 437 của ông Nguyễn Văn Bé T, hướng Đông giáp Đường huyện 33, hướng Tây giáp thửa đất 437 của ông Nguyễn Văn Bé T (có sơ đồ kèm theo)

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 27 tháng 9 năm 2022, ông Phan Văn Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Đặng Thị Kim N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Văn Bé T và bà Đặng Huỳnh N trả lại cho bà Đặng Thị Kim N diện tích lấn chiếm khoảng 48,6m² (ngang 0,6m dài 81m) thuộc thửa đất số 374, tờ bản đồ số 01 tọa lạc ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo bà Đặng Thị Kim N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp, mâu thuẫn với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Người kháng cáo bà Đặng Thị Kim N có cung cấp thêm bản tường trình của trưởng ấp xác định ông T có ban ranh đất phía ngoài rào của bà N chưa lại. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị Kim N, sửa bản án sơ thẩm số 414/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn bà Đặng Thị Kim N khởi kiện yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn Bé T và bà Đặng Huỳnh N trả lại cho bà Đặng Thị Kim N diện tích lấn chiếm khoảng 48,6m² (ngang 0,6m dài 81m) thuộc thửa đất số 374, tờ bản đồ số 01 tọa lạc ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp đòi QSDĐ bị lấn chiếm” là có căn cứ, đúng qui định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn bà Đặng Thị Kim N với bị đơn ông Nguyễn Văn Bé T, bà Đặng Huỳnh N là đúng thẩm quyền qui định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Đặng Thị Kim N là đúng qui định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị Kim N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Tại biên bản hòa giải ở xã ngày 24/11/2016 có thể hiện ý kiến ông Nguyễn Văn Bé T “nếu ông Đ muốn làm bờ kè thì cách hàng rào 05 dm, thêm nữa tôi không đồng ý” (bút lục 08). Cũng tại biên bản này ông T cũng xác nhận hàng cây đâm bứt phía ngoài bờ rào là của phía ông Đ (bà N) trồng.

- Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 22/9/2022 ông T trình bày “nếu phía bà N đồng ý thì đổi với phần đất giáp con mương phía trước dài 26m, tôi đồng ý trả từ hàng rào của ông Đ ra 0,5m cho bà N sử dụng. Còn phần đất phía sau thì xác định theo hàng rào hiện hữu vì tôi không có lần nhưng tôi đồng ý trả lại 01 tắt” (bút lục 143). Tuy nhiên do phía ông Đ không đồng ý mà yêu cầu phải trả 0,6m nên ông T đổi ý chỉ đồng ý trả ở phía trước là 0,3m dài từ lộ vào 26m như án sơ thẩm đã tuyên.

- Suốt quá trình giải quyết vụ án, bà N khai khi đào mương ông T đào ngay đúng ranh giới hai bên. Về phía ông T, bà Nga không phản đối ý kiến này và cũng không hề xác định khi đào mương ranh ông bà có chừa lại khoảng đất nào giáp với bà N, ngược lại phía ông T nhiều lần thể hiện ý chí đồng ý trả lại cho bà N 0,5m tính từ mí rào của bà N trở ra, cho thấy lời khai phía bà N cho rằng khi làm hàng rào có chừa lại một phần đất ở phía ngoài là có căn cứ.

- Tại bảng tường trình ngày 29/3/2023 ông Ngô Thanh Q trưởng ấp T xã L xác nhận vào năm 2013 khi ông T cuộc ban phân đất gò của bà N chừa lại ngoài hàng rào thì bà N có lên báo cho ông. Ông có xuống hiện trường kiểm tra thì ông T có hứa sẽ khôi phục lại hiện trạng trả cho bà N. Như vậy lời khai bà N cho rằng khi làm hàng rào có chừa lại phía ngoài rào một phần đất từ trước ra sau là có căn cứ.

* Từ các chi tiết trên nhận thấy: Diện tích tranh chấp nhỏ chỉ khoảng 48,6m² trong khi diện tích thực tế của cả 02 bên đều dư trên 150m² nên không thể dựa vào diện tích thiếu đủ mà quyết định phần tranh chấp là của ai. Trong trường hợp này phải làm rõ khi làm hàng rào phía ông Đ có chừa lại đất nằm ngoài hàng rào như ông đã khai hay không. Trên cơ sở lời thừa nhận của ông T đồng ý trả lại phía trước từ mí hàng rào ra 0,5m dài 26m nên xác định khi làm hàng rào ông Đ, bà N có chừa ra 0,5m. Căn cứ lời trình bày của ông Q trưởng ấp và thực tế hàng rào ranh phải thẳng không thể từ ngoài vô 26 m lại thụt vào đất ông Đ 05 tắt được, do đó cần chấp nhận cả phần phía sau cũng cách mí rào ra 0,5m mới phù hợp. Cụ thể phần diện tích ông T và các thành viên trong hộ phải trả cho bà N là phần đất chạy dọc bên ngoài hàng rào ranh của bà N. Theo sơ đồ đo đạc tại các bút lục 57 và 59 bao gồm 02 đoạn. Đoạn thứ nhất có chiều dài 39,8m (bút lục 57). Đoạn thứ hai nối tiếp dài 40,11m (bút lục 59). Tổng chiều dài cả 02 đoạn là 79,91m (39,8m + 40,11m). Chiều ngang là 0,5m tính từ mí rào trở ra đất ông T.

Theo phân tích trên nhận thấy cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị Kim N là chưa phù hợp thực tế và chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Bà Đặng Thị Kim N kháng cáo là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận sửa bản án sơ thẩm.

[6] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Đặng Thị Kim N không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, 175, 176 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị Kim N sửa bản án dân sự sơ thẩm số 414/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Kim N về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Bé T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Đặng Huỳnh N gồm Nguyễn Văn Bé T, Nguyễn Lê H, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Duy T trả lại cho bà Đặng Thị Kim N diện tích phần đất lấn chiếm 39,95 m² thuộc thửa đất số 374, tờ bản đồ số 01 tọa lạc ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Buộc ông Nguyễn Văn Bé T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Đặng Huỳnh N gồm Nguyễn Văn Bé T, Nguyễn Lê H, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Duy T trả cho bà N phần diện tích 39,95m² chạy dọc bên ngoài hàng rào ranh của bà N. Theo sơ đồ đo đạc bao gồm 02 đoạn. Đoạn thứ nhất có chiều dài 39,8m (bút lục 57). Đoạn thứ hai nối tiếp dài 40,11m (bút lục 59). Tổng chiều dài cả 02 đoạn là 79,91m (39,8m + 40,11m). Chiều ngang là 0,5m tính từ mé rào trở ra đất ông T (có sơ đồ kèm theo nhưng chiều ngang chỉ 0,5m).

3. Về án phí:

- Bà Đặng Thị Kim N không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại cho bà N (do ông Đ đại diện) 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0020918 ngày 27/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang. Ông Nguyễn Văn Bé T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại bà N 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà nguyên đơn đã nộp tại biên lai thu số 0009044 ngày 06/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Vân